

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 838/LĐ-HC ngày 16/11/2022, số 145/LĐ-HC ngày 27/01/2023 của Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1 về chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo và đề xuất cấp GPMT của dự án “Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 Lữ đoàn 368 Quân đoàn 1”;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STNMT ngày 31 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Lữ đoàn 368 Quân đoàn 1, có địa chỉ trụ sở chính tại phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Xây dựng doanh trại Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1” tại phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2 Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Quyết định số 2419/QĐ-BQP ngày 01/7/2022 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Doanh trại Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Doanh trại quân đội.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công), gồm các hạng mục sau:

- Tiểu đoàn 1: Đầu tư xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình với tổng diện tích sàn khoảng 5.211 m², bao gồm: Nhà ở và làm việc chỉ huy Tiểu đoàn; Nhà ở Đại đội (c1, c2, c3); nhà ở Trung đội/Chỉ huy + Hậu cần; Phòng Hồ Chí Minh; cải tạo Nhà ăn Tiểu đoàn; nhà vệ sinh Đại đội (c1, c2, c3); Nhà phơi Đại đội (c1, c2, c3); nhà phơi Trung đội/Chỉ huy + Hậu cần. Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, doanh cụ đồng bộ.

- Tiểu đoàn 2: Đầu tư xây dựng, cải tạo các hạng mục công trình với tổng diện tích sàn khoảng 3.143 m², bao gồm: Nhà ở và làm việc chỉ huy Tiểu đoàn; nhà ở Đại đội (c5, c6); cải tạo nhà ăn Tiểu đoàn; Nhà vệ sinh Đại đội (c5, c6); nhà phơi Đại đội (c5, c6). Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, doanh cụ đồng bộ.

- Biên chế quân số của hai tiểu đoàn như sau

+ Tiểu đoàn 1: biên chế 197 người, trong đó sỹ quan 29 người; quân nhân chuyên nghiệp 21 người; hạ sỹ quan, chiến sỹ 147 người.

+ Tiểu đoàn 2: biên chế 197 người, trong đó sỹ quan 29 người; quân nhân chuyên nghiệp 21 người; hạ sỹ quan, chiến sỹ 147 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, mùi theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Lữ đoàn 368 Quân đoàn 1:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Lữ đoàn 368 Quân đoàn 1 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 15 tháng 4 năm 2023 đến ngày 15 tháng 4 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Bim Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng nước thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Lữ đoàn 368, Quân đoàn 1;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (để theo dõi);
- UBND thị xã Bim Sơn (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, quân nhân, chiến sỹ (nước thải từ đại tiện, tiểu tiện sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, nước tắm giặt, ăn uống) có lưu lượng 59,2 m³/ngày.đêm, thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 75 m³/ngày.đêm để xử lý.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Ao của Tiểu đoàn 2, thuộc quyền quản lý của Lữ đoàn 368 Quân đoàn 1, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải: Toạ độ điểm xả thải (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰): X = 2221472,005; Y = 588826,909.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 59,2 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý tập trung được dẫn qua ống nhựa ra ao của Tiểu đoàn 2 Lữ đoàn 368 (ao được xây dựng có thành xây kè bằng đá hộc, nền đáy được gia cố chặt đảm bảo chống thấm, chống rò rỉ nước thải).

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/24 giờ.

2.3. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh được thu gom qua đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

1.1.1 Nước thải nhà vệ sinh thu gom và xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.1.2. Nước tắm giặt của cán bộ, quân nhân được thu gom theo đường ống D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.1.3. Nước từ nhà ăn được thu gom và xử lý cục bộ qua bể tách mỡ sau đó theo đường ống D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2.1. Công trình xử lý nước thải tập trung:

- Vị trí: Cách ao Tiêu đoàn 2 khoảng 15m về phía Nam.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Ao của Tiêu đoàn 2.

- Công suất thiết kế: 75m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dinh dưỡng (mật rỉ đường....), Javen (khử trùng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Bố trí cán bộ có kiến thức chuyên môn phù hợp theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải phát hiện và khắc phục sự cố.

1.4.3. Định kỳ hằng năm duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

1.4.4. Thường xuyên bổ sung các dưỡng chất để nuôi sống vi sinh vật tại các bể xử lý nước thải.

1.4.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Khi có sự cố hư hỏng thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải dẫn đến nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu, nước thải được bơm khẩn cấp về bể gom và bể điều hòa (lưu giữ nước

thải được 10h). Đồng thời liên hệ ngay với đơn vị thiết kế, thi công để được hướng dẫn khắc phục sự cố và xử lý lại sau khi khắc phục xong sự cố. Trường hợp vượt quá thời gian lưu giữ tại bể điều hòa, chủ đầu tư liên hệ với đơn vị có chức năng hút nước thải đi xử lý theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng sau khi Giấy phép môi trường này có hiệu lực và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, lắp đặt đủ điều kiện đi vào vận hành thử nghiệm.

Cụ thể như sau:

- + Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Ngày 02/01/2026.
- + Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Ngày 31/03/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 75 m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại Bể gom nước thải đầu vào và 01 điểm tại ống dẫn nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3 Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, phải dừng ngay hoạt động vận hành và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Bim Sơn để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường có chứa các thông số ô nhiễm vượt QCCP.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Lữ đoàn 368/Quân đoàn 1 phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải, xử lý nước thải của Tiểu đoàn 1/Tiểu đoàn 2 đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo mục 2.3, phần A của phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 75 m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải với toạ độ (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105^o múi chiếu 3^o): X = 2221459,24; Y = 588826,00.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Lượng xả khí thải lớn nhất là 900 m³/giờ.

3. Phương thức xả thải

- Khí thải sau xử lý qua tháp hấp thụ được thải ra môi trường ống thoát khí cao khoảng 1,0m.

- Chế độ xả: Liên tục 24 giờ/ngày, thời gian xả liên tục trong năm.

- Phương thức xả: Xả liên tục qua quạt hút khí.

4. Chất lượng khí thải sau xử lý: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục A, ban hành kèm theo Tiêu chuẩn Việt Nam - TCVN 7222: 2002: Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 75 m³/ngày.đêm được thu gom bằng đường ống D168 mm vào thiết bị xử lý mùi và xả ra môi trường thông qua ống xả khí thải đường kính D168 mm bằng uPVC, cao 1,0m qua mái nhà điều hành.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Tháp hấp thụ, hấp phụ → Môi trường.

- Công suất: 900 m³/h.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Javen, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 4 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của thiết bị xử lý khí để có biện pháp kịp thời ứng phó các sự cố.

1.3.2. Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Máy bơm, máy thổi khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 75m³/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 75 m³/ngày.đêm có tọa độ (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°): X=2221459,24; Y = 588826,00.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Trồng cây xanh theo diện tích quy hoạch được duyệt để giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Pin, ắc quy	16 01 12	5
2	Linh kiện điện tử hỏng	16 01 13	10
3	Bao bì bằng nhựa cứng thải (bao bì đựng hóa chất HTXLNT)	18 01 03	12
	Tổng cộng		27

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại, từ HTXL nước thải tập trung	6,85
Tổng khối lượng		6,85

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	143,8
Tổng khối lượng		143,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 03 thùng chứa riêng biệt, có dung tích 120 lít, bằng nhựa composite có nắp đậy dán mã CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa: Chất thải nguy hại lưu giữ tại khu nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải tập trung. Công trình được xây dựng kiên cố, nền bằng gạch

lát, tường xây gạch, mái tôn, có cửa ra vào.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải lưu chứa tại bể chứa bùn (01 bể, thể tích $8,64 \text{ m}^3$, kích thước Dài x rộng x cao = $3,0 \times 0,9 \times 3,4\text{m}$). Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại nhà ăn, bố trí 03 thùng, mỗi thùng ghi tên các loại rác (CTR thực phẩm dễ phân hủy, CTR tái chế và CTR khó phân hủy) để phân loại rác. Dung tích mỗi thùng 120 lit.

- Tại sân đường nội bộ bố trí thùng rác đôi (rác tái chế và rác thải còn lại) với khoảng cách 100 m/thùng. Dung tích 25 lít/thùng, số lượng 5 thùng đôi.

- Hàng ngày, các chiến sỹ sử dụng xe đẩy tam giác dung tích $0,5 \text{ m}^3$ thu gom đưa về khu lưu chứa.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 25 m^2 , được bố trí phía công phụ của Lữ đoàn thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về môi trường môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn hoạt động và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định chi tiết quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K= 1,2.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.